

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-PT

Ngày 01 tháng 8 năm 2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

***Với hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Võ Đình Sớm**.

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Cảnh** và ông **Nguyễn Văn Dũng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Sứ** - Công chức  
Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông  
**Đoàn Thanh Lương** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLPT-KDTM ngày 14/6/2017 về  
việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 7  
năm 2017, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Đường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H – Phó Giám đốc phụ  
trách Ban quản lý và xử lý nợ có vấn đề -Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Ông H ủy quyền lại cho anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981, chức vụ: Phó  
trưởng phòng Phụ trách Phòng xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần S -chi  
nhánh G và ông Nguyễn Quốc B, chức vụ: chuyên viên tố tụng – Phòng tố tụng,  
Ban quản lý và xử lý nợ có vấn đề - Ngân hàng thương mại cổ phần S tham gia tố  
tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2017). Có mặt.

**Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L.

Địa chỉ: Đường B, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường V, thị trấn K, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1965; địa chỉ: Đường B, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Bà L ủy quyền cho ông Trần Ngọc S; địa chỉ: Đường V, thị trấn K, huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia tố tụng. Có mặt.

- Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường B, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Anh T ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Á; địa chỉ: Đường P, phường 7, quận T, thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh N trình bày:

Ngày 26/5/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S) – Chi nhánh G và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L (sau đây viết tắt là Công ty L) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 149/HĐHM-PN/SHB/GL cho Công ty L vay 3.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 18,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động thi công công trình. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty L đã trả được 500.000.000 đồng tiền gốc và 173.680.101 đồng tiền lãi, còn nợ lại 3.200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày (tòa xét xử sơ thẩm) 19/9/2013 là 547.208.452 đồng. Đã nhiều lần Ngân hàng S yêu cầu nhưng Công ty L vẫn không trả nợ. Nay yêu cầu Công ty L phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên. Trường hợp không thanh toán hết nợ, nguyên đơn đề nghị cơ quan chức năng xử lý tài sản gồm:

- Nhà và đất tại tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 198692 do UBND huyện M cấp ngày 16/7/2009.

- Nhà và đất tại tổ 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/7/2008.

Do bị đơn thể chấp và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bên thứ ba) thể chấp, bảo lãnh để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2013 và các lời khai có tại hồ sơ vụ án đại diện theo pháp luật của Công ty L và người đại diện cho bà Ngô Thị Kim L, ông Trần Ngọc S trình bày:

Ngày 26/5/2012 giữa Công ty L, do tôi làm đại diện có ký với Ngân hàng S – Chi nhánh G hợp đồng tín dụng số 149/HĐHM-PN/SHB/GL vay số tiền 3.700.000.000 đồng với mức lãi và thời gian vay như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng, Công ty L đã trả được 500.000.000 đồng tiền gốc và 173.680.101 đồng tiền lãi. Trong hợp đồng tín dụng có ghi tài sản thế chấp khoản vay trên gồm có:

- Nhà và đất tại tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 198692 do UBND huyện M cấp ngày 16/7/2009.

- Nhà và đất tại tổ 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/7/2008.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả số tiền nợ gốc là 3.200.000.000đồng và nợ lãi phát sinh, nhưng do làm ăn thua lỗ, thời gian tới tôi bán tài sản của tôi và thu hồi được nợ để trả cho Ngân hàng.

Đối với anh Trần Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng để anh T tham gia giải quyết vụ án. Nhưng anh T không đến Tòa để tham gia tố tụng, do vậy anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án và không có lời khai tại Tòa.

Từ nội dung trên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai ra Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2013/KDTM-ST ngày 19/9/2013.

Áp dụng Điều 343, 350, 351, 355, 369 và các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 33, Điều 34, khoản 1 Điều 35, Điều 59, 131, điểm a khoản 3 Điều 159, khoản 1 Điều 217 và Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 4, 7, 11, 24, 50 Luật thương mại.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thông qua Chi nhánh tỉnh G số tiền còn nợ 3.747.208.452 đồng (Trong đó nợ gốc 3.200.000.000đồng, nợ lãi 547.208.452đồng).

Trường hợp bị đơn không thanh toán hết số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu lãi chậm trả thi hành án, tiền án phí sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2013, ông Trần Ngọc S đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty L kháng cáo, không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về xử lý tài sản thế chấp của anh Trần Ngọc T.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2014/KDTM-PT ngày 22/01/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 275, Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2013/KDTM-ST ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

1. Buộc bị đơn Công ty TNHH một thành viên L phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S, thông qua Chi nhánh G số tiền nợ gốc 3.200.000.000đồng, nợ lãi 547.208.452đồng; tổng cộng là 3.747.208.452đồng.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hết số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai xử lý phát mại các tài sản thế chấp (theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng) gồm: Quyền sử dụng đất và nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 198692, do UBND huyện M cấp ngày 16/7/2009 tại tổ 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai để thu hồi nợ.

2. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh G trả lại cho ông Trần Ngọc T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 350526 do UBND huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/7/2008.

Ngày 25/3/2014, Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên, về phần xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản của anh Trần Ngọc T.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/2017/KDTM-GĐT ngày 10/5/2017 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 342; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2014/KDTM-PT ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giữa nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh G với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc T và bà Ngô Thị Kim L về phần xử lý tài sản thế chấp của anh Trần Ngọc T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng:

Ngân hàng S khởi kiện, được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và lập văn bản tổng đạt (BL 47) thông báo thụ lý cho ông Trần Ngọc S, ông S cũng có bản tự khai ngày 12/5/2013 (BL48). Sau đó Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập ông S và những người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Kim L, anh Trần Ngọc T nhưng không có kết quả (ông S có mối quan hệ là cha ruột anh T và là chồng bà L cùng trú một địa chỉ), Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại nơi thường trú của ông S, bà L, anh T ở tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai, được ông Nguyễn Trọng T – Tổ trưởng tổ dân phố 6 xác nhận là ông S, bà L, anh T thỉnh thoảng vắng mặt tại nơi cư trú. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông S thừa nhận sau khi ngân hàng S khởi kiện, thì gia đình ông đã chuyển về tỉnh Kon Tum không còn ở tại địa chỉ cũ. Vậy, ông S và bà L, anh T không thông báo nơi cư trú mới của mình cho Ngân hàng S và Tòa án biết nên Tòa án cấp sơ thẩm không thể cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng được và đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên cơ sở từ bỏ quyền tham gia tố tụng của đương sự là có căn cứ.

Về nội dung:

Ngày 09/5/2011 và ngày 29/5/2012, giữa Ngân hàng S với Công ty L – đại diện theo pháp luật ông Trần Ngọc S đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản và với bên thứ ba gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 03/2011/HĐTCTS ngày 09/5/2011 với anh Trần Ngọc T (Bên thế chấp) tài sản là Quyền sử dụng đất, nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AN 350526 do UBND huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/7/2008 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty L số tiền vay 2.500.000.000đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/2012/HĐTCTS ngày 29/5/2012 với ông Trần Ngọc S, bà Ngô Thị Kim L (Bên thế chấp) tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số AP 198692 do UBND huyện M, tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/7/2009 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty L số tiền vay 800.000.000đồng.

Các hợp đồng thế chấp trên được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Ngày 09/5/2011, Ngân hàng S với Công ty L ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/HĐHM, theo đó Công ty L được cấp số tiền 5.000.000.000đồng, thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký.

Ngân hàng S và Công ty L thừa nhận đã tất toán xong Hợp đồng số 02/HĐHM nêu trên.

Ngày 26/5/2012, Ngân hàng S và Công ty L tiếp tục ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 149/2012/HĐHM, theo đó Công ty L nhận hạn mức cấp 3.700.000.000đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Tài sản bảo đảm nêu tại Điều 3 Hợp đồng có các GCNQSDĐ gồm: số AL 865523, số AP 198692 do UBND huyện M, tỉnh Gia Lai cấp các ngày 31/01/2008 và 16/7/2009, và số AN 350526 do UBND huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/7/2008. Chi tiết về việc bảo đảm được thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 01, 02 và 03/2011/HĐTCTS ngày 09/5/2011 đã ký giữa Ngân hàng S với Công ty L và bên thứ ba (là một bộ phận kèm theo và không tách rời của hợp đồng này). Công ty L cũng đã ký “Khế ước nhận nợ” số 01/KUNN ngày 26/5/2012 và số 02/KUNN ngày 29/5/2012, tổng số nợ 3.700.000.000đồng. Do Công ty L không thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn, nên Ngân hàng S khởi kiện, được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết buộc Công ty L trả nợ cho Ngân hàng S số tiền gốc và lãi phát sinh 3.747.208.452đồng và xử lý tài sản nếu Công ty L không thanh toán nợ là đúng.

Xét kháng cáo Công ty L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp số 03/2011/HĐTC ngày 09/5/2011 giữa Ngân hàng S với Công ty L và bên thứ ba anh Trần Ngọc T là phù hợp về chủ thể, mục đích và nội dung thỏa thuận là tự nguyện, các bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc thỏa thuận, hình thức hợp đồng lập thành văn bản được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực. Tại điểm 2 và 3 hợp đồng thế chấp tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty L với Ngân hàng S số dư nợ 2.500.000.000đồng, thời hạn thế chấp được tính từ thời điểm hợp đồng thế chấp có hiệu lực đến khi anh T và Công ty L hoàn thành nghĩa vụ được bảo đảm với Ngân hàng S. Hơn nữa, Hợp đồng thế chấp số 03/2011/HĐTC ngày 09/5/2011 không nói rõ để đảm bảo cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng nào. Mặc dù Công ty L đã tất toán Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 02/HĐHM ngày 09/5/2011 nhưng tài sản

của anh T đã thế chấp tại Hợp đồng số 03/2011/HĐTC ngày 09/5/2011 vẫn phải đảm bảo cho các khoản vay của Công ty L tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 149/HĐHM ngày 26/5/2012. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, anh T không kháng cáo về phần xử lý tài sản mà anh là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, kháng cáo của Công ty L không có cơ sở chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2013/KDTM-ST ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T, bà Ngô Thị Kim L.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L phải chịu 2.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 200.000đồng theo biên lai số 0003069 ngày 30/9/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L còn phải nộp số tiền 1.800.000đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Toà KT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Võ Đình Sớm**